

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

HỆ: Chính quy tập trung

NGÀNH ĐÀO TẠO: Giáo dục Tiểu học (4 năm)

KHÓA 2015, 2016

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
		KIẾN THỨC CHUNG					
		Học phần bắt buộc					
1	212003 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (1)	2	2	0		
2	213001 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (2)	3	3	0	212003 0	
3	213002 0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	213001 0	
4	212001 0	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	213002 0	
5	312050 1	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1		
6	412006 0	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		*
7	412007 0	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	412006 0	*
8	316172 1	Pháp luật đại cương	2	2	0		
9	320144 2	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2	2	0		
10	001027 0	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
11	001028 0	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	001027 0	
12	001029 0	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	001028 0	
13	001030 0	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	001029 0	
14	001031 0	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)	001030 0	
15	002010 0	Giáo dục quốc phòng	(4t)				
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	23	22	1		
		KIẾN THỨC NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM CHUNG					
		Học phần bắt buộc					
16	320211 3	Tâm lý học sư phạm tiểu học	4	4	0	212003 0	
17	320197 3	Giáo dục học tiểu học (1)	2	2	0	320211 3	
18	320212 3	Giáo dục học tiểu học (2)	3	3	0	320197 3	
19	320203 3	Giáo tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	2	2	0	320207 3	
20	320071 3	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	2	2	0	320198 3	
21	322128 3	Phương pháp nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở tiểu học	2	2	0	320198 3	
22	322122 3	Kiểm tra đánh giá kết quả dạy học ở tiểu học	2	2	0	320198 3	
23	322129 3	Rèn luyện kỹ năng sư phạm tiểu học (1)	2	0	2	320198 3	
24	322130 3	Rèn luyện kỹ năng sư phạm tiểu học (2)	2	0	2	322129 3	
25	322131 3	Rèn luyện kỹ năng sư phạm tiểu học (3)	2	0	2	322130 3	
26	303001 2	Kiến tập sư phạm	1	0	1	322131 3	
27	303002 2	Thực tập sư phạm	5	0	5	303001 2	
		Tổng	29	17	12		
		Học phần tự chọn					
28	320216 1	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0		
29	320209 2	Kỹ năng tham vấn học đường	2	2	0		
30	320132 2	Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	2	2	0		
31	322135 3	Phát triển chương trình giáo dục tiểu học	2	2	0		
32	312113 3	Tin học chuyên ngành (2)	2	2	0	312050 1	
		Tổng	10	10	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	39	27	12		
		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP					
		Học phần bắt buộc					
		Kiến thức cơ sở ngành					
33	317165 2	Tiếng Việt thực hành	2	2	0		
34	322106 3	Cơ sở Việt ngữ của việc dạy học tiếng Việt tiểu học (1)	4	4	0		
35	322107 3	Cơ sở Việt ngữ của việc dạy học tiếng Việt tiểu học (2)	4	4	0	322106 3	
36	322134 3	Văn học thiếu nhi	4	4	0		
37	317026 2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0		
38	322104 3	Cơ sở Toán học của môn Toán ở tiểu học (1)	3	3	0		
39	322105 3	Cơ sở Toán học của môn Toán ở tiểu học (2)	3	3	0	322104 3	
40	322048 3	Sinh lý học trẻ em	2	2	0		
41	322121 3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở tiểu học	2	2	0	312050 1	
42	322132 3	Thống kê trong giáo dục tiểu học	2	2	0		
43	322055 3	Từ Hán Việt và dạy từ Hán Việt ở tiểu học	2	2	0		
44	319063 3	Giáo dục môi trường cho HS tiểu học	2	2	0		

45	322115 3	Tổ chức hoạt động cảm thụ văn học cho học sinh tiểu học	2	2	0		
		Kiến thức phương pháp dạy học					
46	322127 3	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học	4	4	0	322105 3	
47	322119 3	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học (1)	3	3	0	322127 3	
48	322120 3	Thực hành vận dụng phương pháp dạy học Toán ở tiểu học (2)	3	3	0	322119 3	
49	322125 3	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (1)	4	4	0	322107 3	
50	322126 3	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (2)	4	4	0	322125 3	
51	322083 3	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội (1) và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	3	0		
52	322084 3	Cơ sở Tự nhiên - Xã hội (2) và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	3	0		
53	322054 3	Thủ công - Kỹ thuật và phương pháp dạy học ở tiểu học	3	3	0		
54	322117 3	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS tiểu học	2	2	0		
55	322103 3	Âm nhạc và PP Giáo dục âm nhạc ở tiểu học	4	4	0		
56	322112 3	Mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật ở tiểu học	4	4	0		
57	322124 3	Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	2	2	0		
		Tổng	73	73	0		
		Học phần tự chọn					
58	322116 3	Tổ chức hoạt động Đội thiếu niên và Sao nhi đồng	2	2	0		
59	322108 3	Dạy học tích hợp các môn học ở tiểu học	2	2	0	320198 3	
60	322110 3	Giáo dục kỹ năng sống trong dạy học ở tiểu học	2	2	0	320206 3	
61	322113 3	Sử dụng phương pháp bàn tay nặn bột trong dạy học tiểu học	2	2	0	320198 3	
62	322114 3	Tổ chức dạy học ở tiểu học theo mô hình trường học mới	2	2	0	320198 3	
63	322109 3	Dạy học tiếng Việt theo quan điểm giao tiếp ở tiểu học	2	2	0	322126 3	
64	322123 3	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6		
		Tổng	18	12	6		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	91	85	6		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA	135				
		Tổng số tín chỉ bắt buộc	125				
		Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu (chọn ra 10/28 tín chỉ)	10				

Ghi chú: Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh trình độ B1 khung châu Âu

TRƯỞNG KHOA

Handwritten signature of TS. Hoàng Nam Hải

TS. Hoàng Nam Hải²



PGS.TS. LÊ QUANG SƠN